

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 10 năm 2017. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch
Ông Phan Văn Thành	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thành	Thành viên
Ông Dương Chí Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Thanh	Thành viên
Ông Lê Vũ Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phan Văn Thành	Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Dương Chí Bình	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Hồng	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dương	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Minh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

40-
TY
A HỮ
F
NA
N-

Số: 59/2019/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình được lập ngày 30 tháng 03 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 36 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017, Công ty đã thực hiện phân bổ chi phí sản xuất chung và chi phí quản lý doanh nghiệp cho hoạt động xây dựng cơ bản dựa trên giá trị lần lượt là 1.308.842.582 đồng và 634.384.035 đồng. Theo đó, Khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" (mã số 242) và Khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 đang bị phản ánh cao hơn với số tiền là 1.943.226.617 đồng.

Công ty chưa thực hiện trích đầy đủ khấu hao tài sản cố định hữu hình vào chi phí sản xuất kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2017. Theo đó, giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2018 đang bị phản ánh thiếu với số tiền là 444.916.316 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang được phản ánh cao hơn với số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty đang bị âm với số tiền 3.276.605.146 đồng (số dư quỹ khen thưởng phúc lợi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là âm 3.206.907.010 đồng). Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty đang ghi nhận giá trị khoản mục vốn góp của chủ sở hữu (mã số 411) vào thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần là 170.817.912.550 đồng. Trong khi đó, vốn điều lệ trên đăng ký doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa được phê duyệt là 185.723.720.000 đồng. Số tiền chênh lệch 14.905.807.450 đồng là do năm 2016 Công ty thực hiện bàn giao tài sản là hệ thống nhà trẻ và đường giao thông cho chính quyền địa phương quản lý theo Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên tới thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa nhận được Quyết định về việc giảm vốn Nhà nước, đồng thời biên bản xác định vốn Nhà nước giữa Nhà nước và Công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình, được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tại thuyết minh số 5.14 - Phải trả khác. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty đang nợ Bảo hiểm xã hội với số tiền là 22.512.202.190 đồng (tại ngày 31/12/2017 là 20.827.544.177 đồng). Khoản nợ này phát sinh liên tục từ năm 2015 đến năm 2018. Vấn đề này không ảnh hưởng tới ý kiến toán ngoại trừ của chúng tôi.

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh 2.2 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản ngắn hạn của Công ty là 42.399.569.716 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 130.298.140.873 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 87.898.571.157 đồng. Ngoài ra, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 20.334.875.794 đồng. Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 570, đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 01 năm tới. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 18 tháng 05 năm 2018.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Lê Quốc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.399.569.716	93.547.999.918
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	17.982.680.538	49.316.677.873
Tiền	111		17.982.680.538	49.316.677.873
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.443.964.221	35.201.882.312
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.485.486.418	3.064.391.831
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		299.727.120	120
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	9.494.197.023	32.137.490.361
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(835.446.340)	-
Hàng tồn kho	140	5.5	13.950.835.092	8.995.227.281
Hàng tồn kho	141		13.950.835.092	8.995.227.281
Tài sản ngắn hạn khác	150		22.089.865	34.212.452
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	-	23.589.818
Thuế GTGT được khấu trừ	152		474.999	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	21.614.866	10.622.634
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		247.293.984.957	240.478.404.775
Tài sản cố định	220		85.586.314.869	93.840.534.312
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	85.586.314.869	93.840.534.312
- Nguyên giá	222		205.489.474.128	207.763.075.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(119.903.159.259)	(113.922.540.925)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7	78.672.382.929	64.300.318.495
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		78.672.382.929	64.300.318.495
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	81.840.000.000	81.840.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		81.840.000.000	81.840.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.195.287.159	497.551.968
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.195.287.159	497.551.968
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		289.693.554.673	334.026.404.693

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		136.649.552.224	181.823.093.108
Nợ ngắn hạn	310		130.298.140.873	172.563.164.308
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	12.236.375.137	17.341.319.772
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	4.233.424.830	5.217.356.568
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	1.346.041.513	1.624.263.823
Phải trả người lao động	314		8.022.859.830	12.110.733.814
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	249.743.563	165.239.762
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	47.172.030.697	79.225.557.979
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	60.314.270.449	60.085.599.600
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(3.276.605.146)	(3.206.907.010)
Nợ dài hạn	330		6.351.411.351	9.259.928.800
Phải trả dài hạn khác	337	5.14	292.000.000	292.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	6.059.411.351	8.967.928.800
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		153.044.002.449	152.203.311.585
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	152.364.002.449	151.523.311.585
Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.912.550	170.817.912.550
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.817.912.550	170.817.912.550
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.453.910.101)	(19.294.600.965)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(19.294.600.965)	(17.138.451.483)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		840.690.864	(2.156.149.482)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		680.000.000	680.000.000
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		680.000.000	680.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		289.693.554.673	334.026.404.693

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Hữu Bằng



Nguyễn Hải Thanh



Nguyễn Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	32.237.092.538	8.750.215.481
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.237.092.538	8.750.215.481
Giá vốn hàng bán	11	6.2	26.477.601.036	9.990.827.591
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.759.491.502	(1.240.612.110)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.418.828.147	36.465.496
Chi phí tài chính	22	6.4	5.457.845.147	1.455.992.842
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.609.100.373	1.228.861.933
Chi phí bán hàng	25	6.5	575.895.842	200.044.800
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	11.806.628.009	1.566.205.409
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.662.049.349)	(4.426.389.665)
Thu nhập khác	31	6.6	7.940.608.378	5.568.942.448
Chi phí khác	32	6.7	437.868.165	3.298.702.265
Lợi nhuận khác	40		7.502.740.213	2.270.240.183
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		840.690.864	(2.156.149.482)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		840.690.864	(2.156.149.482)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	45	(116)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	45	(116)

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phan Hữu Bằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hải Thanh

Quảng Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**Mẫu số B 03 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	840.690.864	(2.156.149.482)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	7.994.214.229	2.066.039.954
Các khoản dự phòng	03	835.446.340	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.480.288.090)	45.185.668
Chi phí lãi vay	06	4.609.100.373	1.228.861.933
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	8.799.163.716	1.183.938.073
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(4.636.484.062)	(4.697.073.529)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(4.955.607.811)	(930.971.702)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(10.875.805.512)	2.498.156.753
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(674.145.373)	86.459.616
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.508.396.573)	(1.634.775.569)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	28.599.433.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(32.083.033.179)	(17.424.534)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.334.875.794)	(3.511.690.892)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(14.501.921.315)	(217.164.990)
Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	763.818.227	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.418.828.147	36.465.496
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.319.274.941)	(180.699.494)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	72.455.753.000	5.055.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.135.599.600)	(1.592.702.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.679.846.600)	3.462.297.669
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(31.333.997.335)	(230.092.717)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	49.316.677.873	49.546.770.590
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	17.982.680.538	49.316.677.873

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Phan Hữu Bằng

Nguyễn Hải Thanh

Nguyễn Văn Minh

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 10 năm 2017. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 185.723.720.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

Vốn điều lệ trên đăng ký doanh nghiệp đang cao hơn so với số dư vốn góp của chủ sở hữu (170.817.912.550 đồng) do trong năm 2016 Công ty thực hiện bàn giao tài sản lại cho chính quyền địa phương theo QĐ số 3015/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình ngày 30/09/2016 V/v: Điều chuyển hệ thống nhà trẻ, đường giao thông của Công ty TNHH MTV Việt Trung để bàn giao địa phương quản lý: 14.905.807.450 đồng. Tuy nhiên tới thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa nhận được Quyết định về việc giảm vốn nhà nước sau khi cổ phần hóa. Công ty cũng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa đến thời điểm lập báo cáo này.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su;
- Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch;

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 535 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 687 người).

Báo cáo tài chính này được tổng hợp số liệu từ văn phòng Công ty và 02 chi nhánh phụ thuộc. Mọi giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn trên báo cáo này

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đơn vị	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động chính	Địa chỉ
Hạch toán phụ thuộc				
Khách sạn Phú Quý			Khách sạn	Tp. Đồng Hới, Quảng Bình
Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý			Chế biến gỗ	Tp. Đồng Hới, Quảng Bình
Công ty liên doanh liên kết				
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình	27,28%	27,28%	Chăn nuôi bò	Huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình

Tuyên bố về khả năng so sánh

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước là Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động Công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 10 năm 2017. Năm 2017 Công ty chỉ lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là không so sánh được.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1 Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.2 Giá định về tính hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản ngắn hạn của Công ty là 42.399.569.716 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty là 130.298.140.873 đồng, theo đó nợ ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã vượt tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 87.898.571.157 đồng, ngoài ra lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 20.334.875.794 đồng. Nguyên nhân trong năm Công ty chuyển trả 32.083.033.179 đồng tiền bán cổ phần về cho Nhà nước (trong đó có 28.599.433.000 đồng được bù trừ với tiền nhà nước hỗ trợ thiệt hại bảo số 10 năm 2017). Tuy nhiên năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 01 năm tới. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định***Tài sản cố định hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	06 - 40 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-

BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ hoạt động. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng;
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi;
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên

quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.18 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	388.978.485	220.447.780
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	17.593.702.053	49.096.230.093
Cộng	17.982.680.538	49.316.677.873

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng như sau :

Ngân hàng	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Bình	3.529.639	574.011.243
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình	17.415.475.932	47.786.846.167
Ngân hàng khác	174.696.482	735.372.683
Cộng	17.593.702.053	49.096.230.093

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	1.485.486.418	3.064.391.831
Công ty TNHH Vương Thuận	83.863.916	1.000.246.330
Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng Quảng Bình	381.750.000	67.463.000
Công ty TNHH Tân Minh	101.077.425	139.089.094
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	918.795.077	1.857.593.407
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.485.486.418	3.064.391.831

5.3 Phải thu khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	9.494.197.023	32.137.490.361
Tạm ứng	236.274.397	125.540.960
Phải thu khác	9.257.922.626	32.011.949.401
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu tiền hỗ trợ bão số 10 năm 2017	-	28.559.433.000
Phải thu người lao động	2.912.955.342	2.378.781.607
Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia	4.400.000.000	-
Phải thu khác	1.944.967.284	1.073.734.794
b) Dài hạn	-	-
Cộng	9.494.197.023	32.137.490.361
Trong đó phải thu khác là bên liên quan (Xem thuyết minh 7.3)	4.486.250.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.4 Nợ xấu

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	835.446.340	-	835.446.340	835.446.340
Trên 3 năm	835.446.340	-	835.446.340	835.446.340
Ông Trần Hữu Thọ	16.833.300	-	16.833.300	16.833.300
Bà Hoàng Thị Hường	20.992.400	-	20.992.400	20.992.400
Bà Nguyễn Thị Xuân	22.495.400	-	22.495.400	22.495.400
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Cao Nguyên	115.015.000	-	115.015.000	115.015.000
Đối tượng khác	660.110.240	-	660.110.240	660.110.240
Cộng	835.446.340	-	835.446.340	835.446.340

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.507.750.207	-	2.058.106.094	-
Công cụ, dụng cụ	309.927.430	-	206.075.669	-
Chi phí SXKD dở dang	11.400.358.310	-	5.963.836.321	-
Thành phẩm	710.087.328	-	715.021.430	-
Hàng hóa	22.711.817	-	52.187.767	-
Cộng	13.950.835.092	-	8.995.227.281	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN**5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải truyền dẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cây lâu năm súc vật làm việc cho sản phẩm (VND)	Tài sản cố định hữu hình khác (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYỄN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2018	154.969.461.760	16.834.136.882	8.097.573.251	1.875.408.903	25.170.819.962	815.674.479	207.763.075.237
Mua trong năm	-	-	314.323.654	77.333.834	-	102.640.000	494.297.488
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.767.898.597)	-	-	-	(2.767.898.597)
Tại ngày 31/12/2018	154.969.461.760	16.834.136.882	5.643.998.308	1.952.742.737	25.170.819.962	918.314.479	205.489.474.128
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2018	79.604.062.127	13.825.342.295	6.350.008.966	1.389.150.418	12.295.357.334	458.619.785	113.922.540.925
Khấu hao trong năm	4.626.520.762	1.703.015.489	475.429.691	133.842.063	1.006.683.274	48.722.950	7.994.214.229
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.013.595.895)	-	-	-	(2.013.595.895)
Tại ngày 31/12/2018	84.230.582.889	15.528.357.784	4.811.842.762	1.522.992.481	13.302.040.608	507.342.735	119.903.159.259
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2018	75.365.399.633	3.008.794.587	1.747.564.285	486.258.485	12.875.462.628	357.054.694	93.840.534.312
Tại ngày 31/12/2018	70.738.878.871	1.305.779.098	832.155.546	429.750.256	11.868.779.354	410.971.744	85.586.314.869

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.620.859.230 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 529.152.704 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 61.233.744.853 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 62.044.512.202 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Cao su trồng năm 2009	7.843.861.500	6.715.853.666
Cao su trồng năm 2010	10.784.380.178	8.685.827.612
Cao su trồng năm 2011	3.708.103.427	3.056.055.016
Cao su trồng năm 2012	6.696.511.449	5.573.378.940
Cao su trồng năm 2013	4.175.267.662	3.296.098.993
Cao su trồng năm 2014	23.318.806.021	19.259.454.527
Cao su trồng năm 2015	13.914.015.605	11.392.155.620
Cao su trồng năm 2016	6.450.115.842	5.830.449.658
Cao su trồng năm 2018	1.173.583.450	-
Khác	607.737.795	491.044.463
Cộng	78.672.382.929	64.300.318.495

5.8 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dũng Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2018 và 31/12/2018 tỷ lệ sở hữu của Công ty là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát là 27,28%.

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	23.589.818
Cộng	-	23.589.818
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	312.280.064	395.158.770
Chi phí trả trước dài hạn khác	883.007.095	102.393.198
Cộng	1.195.287.159	497.551.968

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	12.236.375.137	17.341.319.772
Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	4.575.604.400	5.540.181.196
CN Quảng Bình Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	2.872.334.400	5.216.618.950
Công ty TNHH Tân Hoàng Phương	800.358.000	-
Công ty TNHH DV Vận tải Tiến Đạt	952.847.628	276.879.116
Phải trả nhà cung cấp khác	3.035.230.709	6.307.640.510
b) Dài hạn	-	-
Cộng	12.236.375.137	17.341.319.772

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán. Công ty có kế hoạch chuyển nhượng Khách sạn Phú Quý vào năm 2019 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ sắp đến hạn.

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a) Ngắn hạn	4.233.424.830	5.217.356.568
Công ty TNHH Long Phú	1.500.000.000	1.500.000.000
Hoàng Quang Sâm	2.044.558.700	-
Công ty TNHH Thương mại Trường Sinh	-	2.727.483.700
Người mua khác	688.866.130	989.872.868
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.233.424.830	5.217.356.568

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	31/12/2018 (VND)	Số đã thực nộp		01/01/2018 (VND)
		Số phải nộp trong năm (VND)	/bù trừ trong năm (VND)	
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	21.614.866	8.350.744	19.342.976	10.622.634
Cộng	21.614.866	8.350.744	19.342.976	10.622.634
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	31.968.219	2.283.752.116	2.451.183.036	199.399.139
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.197.269.128	1.283.563.855	1.511.159.411	1.424.864.684
Thuế bảo vệ môi trường	19.962.669	19.962.669	-	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	96.841.497	96.841.497	-	-
Cộng	1.346.041.513	3.689.120.137	3.967.342.447	1.624.263.823

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
Lãi vay phải trả	249.743.563	165.239.762
Cộng	249.743.563	165.239.762

5.14 Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	47.172.030.697	79.225.557.979
Kinh phí công đoàn	2.556.339.953	2.239.800.192
Bảo hiểm xã hội	22.512.202.190	20.827.544.177
Bảo hiểm y tế	82.720.796	110.014.346
Bảo hiểm thất nghiệp	36.659.992	48.728.628
Phải trả về cổ phần hoá	17.138.451.483	49.141.484.662
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.845.656.283	6.857.985.974
<u>Trong đó</u>		
- Phải nộp thanh tra tỉnh Quảng Bình	1.834.853.000	1.834.853.000
- Chi phí cưa cắt gỗ củi bảo số 10/2017	1.056.888.650	1.418.257.668
- Lãi chậm trả tiền hàng	1.540.510.979	-
- Hạch toán chi phí phải trả cho các hộ dân trồng sắn xen canh thu hoạch	364.294.952	2.263.221.800
Phải trả khác	49.108.702	1.341.653.506
b) Dài hạn	292.000.000	292.000.000
Ký quỹ ký cược	292.000.000	292.000.000
Cộng	47.464.030.697	79.517.557.979

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả khác. Công ty có kế hoạch chuyển nhượng Khách sạn Phú Quý vào năm 2019 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ sắp đến hạn và quá hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính**a. Góc vay ngắn hạn**

	31/12/2018 (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	01/01/2018 (VND)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	9.000.000.000	18.260.000.000	15.270.000.000	6.010.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {b}	44.705.753.000	49.945.753.000	52.723.000.000	47.483.000.000
Vay cá nhân {c}	3.700.000.000	4.250.000.000	2.650.000.000	2.100.000.000
Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Đức Thịnh	-	-	2.492.599.600	2.492.599.600
Cộng vay ngắn hạn	57.405.753.000	72.455.753.000	73.135.599.600	58.085.599.600
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn hạn trả (xem TM số 5.15b)	2.908.517.449			2.000.000.000
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	60.314.270.449			60.085.599.600

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay ngắn hạn. Công ty có kế hoạch chuyển nhượng Khách sạn Phú Quý vào năm 2019 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ sắp đến hạn.

{a} Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 869003150161/2018-HĐCVHM/NHCT400- VIETTRUNG ngày 17/01/2018, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 12 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay và lãi suất được quy định trong giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đội Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.

{b} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình bao gồm 16 hợp đồng cho vay theo món. Các hợp đồng vay có thời gian vay từ 9 tháng đến 11 tháng, lãi suất từ 8,65%/năm đến 8,95%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc ở khách sạn Phú Quý và phân xưởng tinh chế ở nhà máy chế biến gỗ Phú Quý.

{c} Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng lãi suất từ 9%/năm đến 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN**b. Gốc vay dài hạn**

	31/12/2018 (VND)	Tăng (VND)	Giảm (VND)	01/01/2018 (VND)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	8.967.928.800	-	2.000.000.000	10.967.928.800
Cộng Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.967.928.800	-	2.000.000.000	10.967.928.800
Phân loại sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(2.908.517.449)			(2.000.000.000)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {a}	(2.908.517.449)			(2.000.000.000)
Cộng	6.059.411.351			8.967.928.800

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay dài hạn. Công ty có kế hoạch chuyển nhượng Khách sạn Phú Quý vào năm 2019 để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ sắp đến hạn.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 338/2015-HĐTDDA/NHCT470-NT VIETTRUNG ngày 13/02/2015. Số tiền cam kết cho vay không vượt quá 13.900.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn là 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: đầu tư dự án chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản trồng từ năm 2009 - 2013, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở Công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đội Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.

Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Trong vòng một năm	2.908.517.449	2.000.000.000
Từ hai đến năm thứ năm	6.059.411.351	8.967.928.800
Cộng	8.967.928.800	10.967.928.800
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	2.908.517.449	2.000.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	6.059.411.351	8.967.928.800

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.16 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Tại ngày 01/10/2017	170.817.912.550	(17.138.451.483)	153.679.461.067
Lỗ trong năm	-	(2.156.149.482)	(2.156.149.482)
Tại ngày 01/01/2018	170.817.912.550	(19.294.600.965)	151.523.311.585
Lãi trong năm	-	840.690.864	840.690.864
Tại ngày 31/12/2018	170.817.912.550	(18.453.910.101)	152.364.002.449

b) Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.572.372	18.572.372
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.572.372	18.572.372
- Cổ phiếu phổ thông	18.572.372	18.572.372
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.572.372	18.572.372
- Cổ phiếu phổ thông	18.572.372	18.572.372

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Số lượng cổ phiếu được lấy theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 (VND)	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.237.092.538	8.750.215.481
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	31.122.181.629	8.535.570.027
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.114.910.909	214.645.454
Cộng	32.237.092.538	8.750.215.481

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 (VND)	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 (VND)
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	24.374.501.312	9.406.680.738
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.103.099.724	584.146.853
Cộng	26.477.601.036	9.990.827.591

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.668.147	36.465.496
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.341.160.000	-
Cộng	5.418.828.147	36.465.496

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
	(VND)	(VND)
Lãi tiền vay	4.609.100.373	1.228.861.933
Lãi chậm thanh toán tiền hàng	848.744.774	227.130.909
Cộng	5.457.845.147	1.455.992.842

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
	(VND)	(VND)
a) Chi phí bán hàng		
Chi phí mua ngoài	512.815.842	165.164.800
Chi phí bằng tiền khác	63.080.000	34.880.000
Cộng	575.895.842	200.044.800
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí khấu hao	1.844.842.078	419.787.669
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	5.348.629.518	652.680.355
Thuế phí và lệ phí	528.524.037	238.846.607
Trích dự phòng phải thu khó đòi	835.446.340	-
Chi phí mua ngoài	1.271.051.936	198.876.573
Chi phí bằng tiền khác	1.978.134.100	56.014.205
Cộng	11.806.628.009	1.566.205.409

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
	(VND)	(VND)
Tiền bồi hoàn độ phì của đất	6.911.965.310	273.000.000
Thu từ thanh lý TSCĐ	61.459.943	-
Bán củ sắn xen canh	-	4.081.783.940
Thu nhập khác	967.183.125	1.214.158.508
Cộng	7.940.608.378	5.568.942.448

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.7 Chi phí khác

	Năm 2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
	(VND)	(VND)
Chi phí trồng sản	-	3.124.605.700
Chi phí bán gỗ củi	190.828.800	-
Các khoản khác	247.039.365	174.096.565
Cộng	437.868.165	3.298.702.265

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
	(VND)	(VND)
Lợi nhuận trước thuế	840.690.864	(2.156.149.482)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(840.690.864)	-
<i>Chi phí không hợp lý</i>	1.339.953.724	-
<i>Chuyển lỗ</i>	(2.180.644.588)	-
Thu nhập chịu thuế	-	(2.156.149.482)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

6.9 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
	(VND)	(VND)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	840.690.864	(2.156.149.482)
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	840.690.864	(2.156.149.482)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.572.372	18.572.372
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	45	(116)

Công ty thực hiện tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu căn cứ số cổ phiếu đang lưu hành được quy định trên đăng ký doanh nghiệp. Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh là khác với số dư vốn góp của chủ sở hữu do trong năm 2016 Công ty thực hiện bàn giao tài sản là hệ thống nhà trẻ, đường giao thông lại cho chính quyền địa phương theo QĐ số 3015/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên tới thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa nhận được Quyết định về việc giảm vốn Nhà nước sau khi cổ phần hóa.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.954.312.845	3.673.402.964
Chi phí nhân công	16.325.725.863	5.593.192.358
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.980.618.334	883.792.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.394.642.388	964.038.102
Chi phí khác bằng tiền	2.249.217.646	168.023.428
Cộng	33.904.517.076	11.282.449.547

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo theo lĩnh vực địa lý***Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***Bảng cân đối kế toán**

	Hoạt động kinh doanh Cao su 31/12/2018 (VND)	Hoạt động kinh doanh Gỗ 31/12/2018 (VND)	Hoạt động kinh doanh khác 31/12/2018 (VND)	Tổng cộng 31/12/2018 (VND)
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.673.175.371	14.020.612.054	42.261.205	15.736.048.630
Tài sản không phân bổ	-	-	-	273.957.506.043
Tổng tài sản	1.673.175.371	14.020.612.054	42.261.205	289.693.554.673
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	13.625.246.830	2.844.553.137	-	16.469.799.967
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	120.179.752.257
Tổng nợ phải trả	13.625.246.830	2.844.553.137	-	136.649.552.224
	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Tài sản				
Tài sản bộ phận	2.427.383.873	9.610.532.632	21.702.727	12.059.619.232
Tài sản không phân bổ	-	-	-	321.966.785.461
Tổng tài sản	2.427.383.873	9.610.532.632	21.702.727	334.026.404.693
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	19.990.488.466	2.568.187.874	-	22.558.676.340
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	159.264.416.768
Tổng nợ phải trả	19.990.488.466	2.568.187.874	-	181.823.093.108

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Hoạt động kinh doanh Cao su (VND)	Hoạt động kinh doanh Gỗ (VND)	Hoạt động kinh doanh khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.948.825.200	19.173.356.429	1.114.910.909	32.237.092.538
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng Doanh thu	11.948.825.200	19.173.356.429	1.114.910.909	32.237.092.538
Khấu hao và chi phí phân bổ	14.885.516.862	21.443.262.146	2.531.345.879	38.860.124.887
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(2.936.691.662)	(2.269.905.717)	(1.416.434.970)	(6.623.032.349)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.936.691.662)	(2.269.905.717)	(1.416.434.970)	(6.623.032.349)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	5.418.828.147
Lãi (lỗ) khác				7.502.740.213
Chi phí tài chính				5.457.845.147
Lợi nhuận trước thuế				840.690.864
Chi phí thuế TNDN				-
Lợi nhuận trong năm				840.690.864

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**

	Hoạt động kinh doanh Cao su (VND)	Hoạt động kinh doanh Gỗ (VND)	Hoạt động kinh doanh khác (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.690.000.000	6.845.570.027	214.645.454	8.750.215.481
Tổng Doanh thu	1.690.000.000	6.845.570.027	214.645.454	8.750.215.481
Khấu hao và chi phí phân bổ	3.672.214.074	7.457.390.217	627.473.509	11.757.077.800
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.982.214.074)	(611.820.190)	(412.828.055)	(3.006.862.319)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.982.214.074)	(611.820.190)	(412.828.055)	(3.006.862.319)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	36.465.496
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	2.270.240.183
Chi phí tài chính	-	-	-	1.455.992.842
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	(2.156.149.482)
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm				(2.156.149.482)

7.2 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban giám đốc Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Dưới 1 năm (VND)	Trên 1 năm (VND)	Tổng (VND)
Ngày 31/12/2018			
<i>Gía trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.982.680.538	-	17.982.680.538
Phải thu khách hàng	1.485.486.418	-	1.485.486.418
Phải thu khác	9.257.922.626	-	9.257.922.626
Đầu tư dài hạn	-	81.840.000.000	81.840.000.000
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	835.446.340	-	835.446.340
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Cộng	27.890.643.242	81.840.000.000	109.730.643.242
Ngày 31/12/2018			
Các khoản vay	60.314.270.449	6.059.411.351	66.373.681.800
Phải trả người bán	12.236.375.137	-	12.236.375.137
Phải trả khác và chi phí phải trả	47.421.774.260	292.000.000	47.713.774.260
Cộng	119.972.419.846	6.351.411.351	126.323.831.197
Chênh lệch thanh khoản thuần	(92.081.776.604)	75.488.588.649	(16.593.187.955)
Ngày 01/01/2018			
<i>Gía trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.316.677.873	-	49.316.677.873
Phải thu khách hàng	3.064.391.831	-	3.064.391.831
Phải thu khác	32.011.949.401	-	32.011.949.401
Đầu tư dài hạn	-	81.840.000.000	81.840.000.000
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	-	-
Cộng	84.393.019.105	81.840.000.000	166.233.019.105
Ngày 01/01/2018			
Phải trả người bán	17.341.319.772	-	17.341.319.772
Phải trả khác và chi phí phải trả	79.390.797.741	292.000.000	79.682.797.741
Các khoản vay	60.085.599.600	8.967.928.800	69.053.528.400
Cộng	156.817.717.113	9.259.928.800	166.077.645.913
Chênh lệch thanh khoản thuần	(72.424.698.008)	72.580.071.200	155.373.192

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 09 - DN

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	10.743.409.044	35.076.341.232	10.743.409.044	35.076.341.232
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.485.486.418	3.064.391.831	1.485.486.418	3.064.391.831
<i>Phải thu khác</i>	9.257.922.626	32.011.949.401	9.257.922.626	32.011.949.401
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	17.982.680.538	49.316.677.873	17.982.680.538	49.316.677.873
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	-	-	-	-
<i>Cho vay ngắn hạn</i>	-	-	-	-
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	17.982.680.538	49.316.677.873	17.982.680.538	49.316.677.873
Tổng cộng	28.726.089.582	84.393.019.105	28.726.089.582	84.393.019.105
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	66.373.681.800	69.053.528.400	66.373.681.800	69.053.528.400
<i>Phải trả người bán</i>	12.236.375.137	17.341.319.772	12.236.375.137	17.341.319.772
<i>Phải trả khác</i>	46.880.030.697	78.933.557.979	46.880.030.697	78.933.557.979
Tổng cộng	125.490.087.634	165.328.406.151	125.490.087.634	165.328.406.151

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi số của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7.3 Thông tin về các bên liên quan**Các bên liên quan**Bên liên quan

Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình

Mối quan hệ

Công ty liên doanh

Các giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2018 (VND)	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 (VND)
Mua hàng		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	556.373.000	-
Cổ tức		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	5.341.160.000	-
Số dư với các bên liên quan		
	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	4.486.250.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát		
	Năm 2018 (VND)	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 (VND)
Lương và tiền thưởng BGD, Hội đồng quản trị	1.323.315.000	284.430.000
Cộng	1.323.315.000	284.430.000

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phan Hữu Bằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hải Thanh

Quảng Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2019

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Văn Minh